

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 216/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/7//2021

“V/v tranh chấp ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bẩy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Danh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Du - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Cao Sơn C, sinh năm 1989

Địa chỉ: 33/1, tổ 4, khu phố 5, phường TH, TP. BH, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Bà Lê Minh Tr, sinh năm 1989

Địa chỉ: 820F/6, khu phố 3, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN.

(Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Tr vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn ông Cao Sơn C trình bày:

Ông Cao Sơn C và bà Lê Minh Tr đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau này thì phát sinh mâu thuẫn cuộc sống chung không hạnh phúc do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, nhiều lần ông đã hòa giải nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, nên ông xin ly hôn với bà Tr.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Bị đơn bà Lê Minh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.

\*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông C xin ly hôn với bà Tr nhận thấy:

Hồ sơ vụ án thể hiện ông C và bà Tr có đăng ký kết hôn vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện nên căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông C trình bày vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C làm đơn xin ly hôn với bà Tr. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng địa phương không nắm, do đương sự không báo, nhưng cho biết vợ chồng ông C, bà Tr đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, hòa giải, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Tr vẫn vắng mặt, như vậy, bà Tr đã tự bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông C và bà Tr, đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đơn xin của ông C.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

-Về tài sản chung: ông C khai không có nhưng bà Tr không có ý kiến về việc này nên tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

-Nợ chung: ông C khai không có nhưng bà Tr không có ý kiến về việc này nên tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Ông C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông C đã nộp biên lai số 0000161 ngày 24/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Cao Sơn C xin ly hôn với bà Lê Minh Tr, Bà Tr có nơi cư trú tại: 820F/6, khu phố 3, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2]Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà Lê Minh Tr, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông C và bà Tr đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016, tại Ủy ban nhân dân phường Tam Hiệp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông C trình bày vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C làm đơn xin ly hôn với bà Tr. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng địa phương không nắm, do đương sự không báo, nhưng cho biết vợ chồng ông C, bà Tr đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, hòa giải, cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Tr vẫn vắng mặt, như vậy, bà Tr đã tự bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không còn tha thiết với việc hàn gắn đoàn tụ, chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông C bà Tr, đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận đơn xin của ông C. Cho ông C được ly hôn bà Tr.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

-Về tài sản chung: ông C khai không có nhưng bà Tr không có ý kiến về việc này nên tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

-Nợ chung: ông C khai không có nhưng bà Tr không có ý kiến về việc này nên tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, ông C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266, 271, 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông Cao Sơn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Cao Sơn C được ly hôn với bà Lê Minh Tr.
2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.
4. Nợ chung: Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Ông C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp biên lai số 0000161 ngày 24/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông C đã nộp xong.

Ông Cao Sơn C và bà Lê Minh Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP Biên Hòa.(2)
- THA dân sự TP Biên Hòa.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)
- UBND nơi ĐKKH (1)

**Phạm Thị Bảy**